

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Tấn Đức

2. Bà Hoàng Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 767/2024/HNST ngày 04 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 592/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 822/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều H, sinh ngày: 14/11/1983; Căn cước công dân số 082183000175 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/9/2022

Trú tại: 320 tổ I ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang – Có đơn xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Cao Phú P, sinh ngày: 21/10/1985; Chứng minh nhân dân số 023841716.

Địa chỉ: số G đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H trình bày:

Bà và ông Cao Phú P tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 190, quyền số 02/2009 do Ủy ban nhân dân phường T cấp ngày 01/12/2009.

Sau khi kết hôn bà H và ông P chung sống bình thường nhưng đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không chung sống cùng nhau, người sống ở Tiền Giang, người sống ở thành phố Hồ Chí Minh nên thường xuyên cãi vã. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống với nhau được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn với ông Cao Phú P.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có 02 con chung tên Cao Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 08/07/2013, Cao Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 17/09/2014. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy 02 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Bị đơn ông Cao Phú P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân thủ theo qui định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của bà H cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông P không còn hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không sống chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Cao Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 08/07/2013, Cao Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 17/09/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông P do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 190, quyền số 2/2009 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Thị Kiều H và ông Cao Phú P là quan hệ hôn nhân hợp

pháp, được pháp luật công nhận. ông Cao Phú P có nơi cư trú tại quận T. Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kiều H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Cao Phú P vắng mặt không có lý do nên Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông P.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà Nguyễn Thị Kiều H yêu cầu ly hôn với ông Cao Phú P.

Theo lời trình bày của bà H, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi người sống một nơi nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà H và ông P đã sống ly thân. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông P không đến Tòa làm việc chứng tỏ ông P không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Bà H xác định 02 con chung tên Cao Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 08/07/2013, Cao Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 17/09/2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, hiện nay 02 con chung đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Kiều H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều H không yêu cầu ông Cao Phú P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Kiều H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị Kiều H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều H được ly hôn với ông Cao Phú P. Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Cao Phú P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 190, quyển số 2/2009 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2009 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Cao Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 08/07/2013, Cao Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 17/09/2014 cho bà Nguyễn Thị Kiều H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Cao Phú P cho đến khi bà Nguyễn Thị Kiều H có yêu cầu.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Kiều H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0040389 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

